

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán khảo sát,
lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp
Giang Quang Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 5588/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 32/SXD-QH ngày 03 tháng 01 năm 2024 và Công văn số 469/SXD-QH ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập quy hoạch và giao tổ chức lập đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Giang Quang Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Giang Quang Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Giang Quang Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch

2.1. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu: Thuộc một phần địa giới hành chính các xã: Thiệu Giang, Thiệu Quang, Thiệu Thịnh và Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá, ranh giới cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đường Hoàng Xuân - Thiệu Long và đường Đông Tây 7 theo quy hoạch; phía Nam giáp đường Bắc sông Chu theo quy hoạch; phía Đông giáp đường Bắc Nam 8 theo quy hoạch; phía Tây giáp đường cao tốc Bắc Nam (Mai Sơn - Quốc lộ 45).

2.2. Quy mô diện tích:

- Quy mô nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 345,6 ha; trong đó:

+ Diện tích lập quy hoạch Khu công nghiệp là 300 ha (theo Quy hoạch tỉnh Thanh Hoá được phê duyệt);

+ Diện tích đường giao thông đối ngoại và cây xanh cách ly xung quanh khu đất lập quy hoạch là 45,6 ha.

- Quy mô thành lập bản đồ địa hình phục vụ lập quy hoạch khoảng 350 ha.

3. Tính chất: Là khu công nghiệp đa ngành, ưu tiên các ngành nghề công nghiệp điện tử, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao...

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

4.1. Các chỉ tiêu sử dụng đất:

Các chỉ tiêu sử dụng đất trong khu công nghiệp yêu cầu đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và các quy định có liên quan. Các yêu cầu về chỉ tiêu sử dụng đất cơ bản như sau:

- Các khu kỹ thuật: $\geq 1\%$;
- Giao thông: $\geq 10\%$;
- Cây xanh: $\geq 10\%$;

4.2. Chỉ tiêu các công trình hạ tầng kỹ thuật dự kiến:

- Cấp điện:
 - + Khu hành chính công cộng - dịch vụ $30 \text{ W/m}^2\text{sàn}$;
 - + Công nghiệp: $120 - 350 \text{ kW/ha}$.
- Cấp nước:
 - + Nước công nghiệp: $22 - 40 \text{ m}^3/\text{ha/ngđ}$;
 - + Nước công cộng, dịch vụ: $\geq 2 \text{ l/m}^2\text{sàn/ngđ}$;
 - + Nước tưới cây: $\geq 3 \text{ l/m}^2/\text{ngđ}$;
 - + Nước rửa đường: $\geq 0,4 \text{ l/m}^2/\text{ngđ}$;
 - + Nước thất thoát rò rỉ: không vượt quá 15% tổng lượng nước trên.
- Thoát nước thải sinh hoạt: $\geq 80\%$ lưu lượng nước cấp.
- Chỉ tiêu chất thải rắn công nghiệp phát sinh: $0,3 \text{ tấn/ha/ngđ}$; chất thải rắn sinh hoạt phát sinh : $\geq 0,9 \text{ kg/người/ngđ}$. Tỷ lệ thu gom, xử lý 100% .

4.3. Chỉ tiêu lao động: Lao động dự kiến 18.900 lao động.

(Các chỉ tiêu quy hoạch nêu trên sẽ được làm rõ, xác định cụ thể trong đồ án quy hoạch phân khu trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn về quy hoạch xây dựng, các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện hành và các quy định của các quy hoạch cấp trên có liên quan).

5. Các nội dung nghiên cứu chủ yếu

5.1. Yêu cầu về điều tra khảo sát hiện trạng, thu thập tài liệu, số liệu.

- Bản đồ khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch được thành lập theo tỷ lệ $1/2.000$, hệ tọa độ quốc gia VN 2.000, cao độ nhà nước.
- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, hiện trạng sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng; cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường khu vực lập quy hoạch. Các số liệu điều tra hiện trạng phải sử dụng số liệu điều tra mới nhất, có hệ thống bảng biểu kèm theo, trích dẫn nguồn số liệu chính thống.
- Rà soát đánh giá các yếu tố liên quan đến khu đất; cập nhật các quy hoạch, dự án đã và đang triển khai có liên quan; khai thác tối đa quỹ đất thuận lợi để phát triển khu công nghiệp.

5.2. Yêu cầu và nguyên tắc tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan.

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng đất xây dựng, dân cư, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; phân tích các quy định của quy hoạch chung xây dựng có liên quan đến khu vực quy hoạch; đánh giá các dự án, các quy hoạch đã và đang triển khai trong khu vực.

- Xác định quy mô lao động, chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch; chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo chức năng đặc thù.

- Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Xác định các phân khu trong khu vực quy hoạch; xác định chỉ tiêu sử dụng đất về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình đối với từng lô đất; khoảng lùi công trình đối với các trục đường; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có).

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan: Xác định nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng phân khu, trục đường chính, không gian mở, điểm nhấn.

- Nghiên cứu, xác định quỹ đất nhà ở dành cho người lao động tại khu công nghiệp.

- Đề xuất Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch và các định hướng quản lý kiến trúc cảnh quan tổ chức không gian, nghiên cứu thiết kế đô thị theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị.

5.3. Yêu cầu về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được bố trí đến mạng lưới đường khu vực, bao gồm các nội dung sau:

- Xác định cốt xây dựng đối với từng ô đất;

- Xác định mạng lưới giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định và cụ thể hóa quy hoạch chung về vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe (trên cao, trên mặt đất và ngầm); tuyến giao thông công cộng; hào và tuynel kỹ thuật (nếu có);

- Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật cụ thể;

- Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng (điện, khí đốt); vị trí, quy mô các trạm điện phân phối, trạm khí đốt; mạng lưới đường dây trung thế và hệ thống chiếu sáng;

- Xác định nhu cầu và công trình hạ tầng viễn thông thụ động;

- Xác định tổng lượng nước thải và rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải và nghĩa trang.

5.4. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Xác định các vấn đề môi trường chính tại khu vực lập quy hoạch;
- Đánh giá diễn biến môi trường trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện; đề xuất các khu vực cách ly, bảo vệ môi trường cho các khu vực chức năng.

6. Danh mục, số lượng hồ sơ, sản phẩm

6.1. Hồ sơ khảo sát địa hình: Hồ sơ khảo sát địa hình tỷ lệ 1/2.000 được lập cho diện tích khoảng 330,0 ha; yêu cầu thực hiện theo quy định tại Luật đo đạc bản đồ số 27/2018/QH14 của Quốc hội; hồ sơ khảo sát địa hình phải được thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6.2. Thuyết minh, bản vẽ quy hoạch và các văn bản dự thảo:

- Thuyết minh và bản vẽ: Nội dung theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022;
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Nội dung theo quy định tại Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị và phải có các bản vẽ thu nhỏ kèm theo.
- Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch. Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

6.3. Yêu cầu về hồ sơ:

- Thuyết minh tổng hợp đồ án quy hoạch chi tiết phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan;
- Bản đồ dùng cho báo cáo thẩm định, phê duyệt, in màu tỉ lệ 1/2000;
- Số lượng tài liệu dùng cho báo cáo thẩm định tùy thuộc theo yêu cầu của cơ quan thẩm định.
- Hồ sơ hoàn thiện, lưu trữ lập thành 07 bộ in màu theo tỷ lệ kèm theo thiết bị lưu trữ (đĩa CD hoặc USB) sao lưu toàn bộ nội dung bản vẽ và các văn bản liên quan.

7. Dự toán kinh phí và nguồn vốn

7.1. Dự toán kinh phí (làm tròn): 2.350.787.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm năm mươi triệu, bảy trăm tám bảy nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí khảo sát đo vẽ lập bản đồ địa hình: 414.879.000 đồng;
- Chi phí lập quy hoạch: 1.491.600.000 đồng;
- Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch: 92.045.000 đồng;
- Chi phí khác: 352.263.000 đồng.

7.2. Nguồn vốn: Từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn huy động hợp pháp khác.

8. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá.
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Thiệu Hóa.
- Đơn vị tư vấn: Lựa chọn theo quy định pháp luật.
- Thời gian lập quy hoạch: Tối đa 09 tháng (kể từ ngày phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

H1.(2024)QDPD_NV KCN G Q Tỉnh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm